BẢNG GIÁ ỐNG VÀ PHỤ KIỆN PPR Nhập khẩu từ THỔ NHĨ KỲ - DIN 8077-8078 ISO 9001

Đơn vị tính: m, chiếc. Đơn giá: VNĐ

Ống nước lạnh		Ống nước nóng		Măng sông		Cút 90°		Tê đều		Vòng đệm	
d20x1,9	29,500	20x3,4	39,000	d20	5,800	d20	7,600	d20	9,600	d40	25,100
d25x2,3	43,500	25x4,2	63,000	d25	8,300	d25	11,500	d25	14,800	d50	45,400
d32x2.9	69,000	32x5,4	104,100	d32	13,000	d32	17,600	d32	23,300	d63	106,600
d40x3,7	99,000	40x6,7	159,200	d40	18,000	d40	28,100	d40	39,100	d75	134,400
d50x4,6	212,400	50x8,3	354,000	d50	44,400	d50	77,400	d50	107,800	d90	207,600
d63x5,8	337,500	63x10,5	555,700	d63	114,400	d63	151,000	d63	211,800	d110	298,900
d75x6,9	474,000	d75x 12,5	801,400	d75	165,000	d75	257,500	d75	332,400		
d90x8,2	694,200	d90x 15,0	1,159,500	d90	279,100	d90	519,400	d90	605,100		
d110 x10,0	1,033,800	d110x 18,4	1,788,600	d110	361,600	d110	720,500	d110	838,900		

Tê thu		Tê thu		Côn thu		Côn thu		Nút bịt		Chếch 45°	
d25/20/25	15,400	d63/20/63	192,100	d25/20	6,900	d63/25	59,800	d20	5,500	d20	6,900
d32/20/32	22,000	d63/25/63	202,900	d32/20	11,000	d63/32	67,100	d25	6,600	d25	10,900
d32/25/32	26,100	d63/32/63	216,700	d32/25	12,100	d63/40	69,300	d32	9,700	d32	17,400
d40/20/40	62,700	d63/40/63	239,300	d40/20	13,900	d63/50	72,900	d40	16,000	d40	34,900
d40/25/40	65,500	d63/50/63	274,400	d40/25	16,000	d75/50	86,000	d50	41,200	d50	83,500
d40/32/40	69,900	d75/25/75	386,000	d40/32	16,500	d75/63	98,100	d63	79,200	d63	202,900
d50/20/50	105,300	d75/32/75	399,500	d50/20	27,300	d90/63	208,100	d75	138,800	d75	336,300
d50/25/50	108,000	d75/40/75	409,100	d50/25	30,000	d90/75	253,900	d90	305,600		
d50/32/50	108,600	d75/50/75	474,100	d50/32	32,000	d110/63	383,000	d110	443,900		
d50/40/50	108,000	d75/63/75	511,500	d50/40	36,000	d110/75	383,000				
		d90/75/90	683,400			d110/90	383,000				
		d110/90/110	1,095,100								

Cút ren trong		Cút ren ngoài		Tê ren trong		Tê ren ngoài		R. co ren ngoài		R.co ren trong	
d20*1/2	54,700	d20*1/2	71,400	d20*1/2	58,300	d20*1/2	60,000	d20*1/2	170,300	d20*1/2	169,400
d25*1/2	60,400	d20*3/4	77,400	d20*3/4	62,400	d20*3/4	79,000	d25*3/4	210,800	d25*3/4	218,500
d25*3/4	85,800	d25*1/2	85,400	d25*1/2	63,300	d25*1/2	66,000	d32*1	312,700	d32*1	298,300
d32*1	172,500	d25*3/4	99,000	d25*3/4	76,200	d25*3/4	78,800	d40*1 1/4	545,800	d40*1 1/4	520,300
		d32*1	229,900	d32*1	189,100	d32*1	156,900	d50*1 1/2	1,342,500	d50*1 1/2	1,233,400

M.sông ren trong		M.sông ngoài		Van tay vặn		Van bi gạt		R.co ren nhựa		Cầu vượt	
d20*1/2	52,700	d20*1/2	67,200	d20	223,600	d20	399,300	d20	94,400	d20	26,100
d20*3/4	64,000	d20*3/4	83,500	d25	271,100	d25	411,400	d25	103,700	d25	50,500
d25*1/2	63,100	d25*1/2	76,600	d32	378,700	d32	509,300	d32	188,800	d32	73,500
d25*3/4	68,400	d25*3/4	89,200			d40	646,800	d40	286,000	d40	104,700
d32*1	160,400	d32*1	261,300			d50	1,331,000	d50	471,900		
d40*1 1/4	320,900	d40*1 1/4	482,800	Van tay chụp Inox				Van bi bướm			
d50*1 1/2	548,200	d50*1 1/2	690,900					d20	399,300		
d63*2	846,900	d63*2	1,052,400			Bịt ren ngoài		d25	411,400		
d75*2	1,364,400	d75*2	1,342,800	D20	612,900	d20*1/2	9,200	d32	509,300		
d90*3	3,330,200	d90*3	5,405,400	D25	635,200	d25*3/4	12,400				
d110*4	4,375,500	d110*4	6,042,000	D32	701,100	d32*1	16,500				

Giá trên chưa bao gồm thuế VAT 10%

Báo giá có hiệu lực từ ngày 11.11.2011 đến khi có thông báo mới

NHẬP KHẨU VÀ PHÂN PHỐI :CÔNG TY TNHH CÔNG NGHỆ MỚI - 198 Hoàng Quốc Việt - Quận Cầu Giấy - Hà nội.

Nhà phân phối phía nam: CÔNG TY TNHH MTV TM DV NĂNG LƯỢNG ÁNH DƯƠNG

VP; 42 Phan Văn Năm, P.Phú Thạnh, Q. Tân PHú, Tp. HCM

ĐT: 08. 66 844 801 - 0918.904.601

Để biết chi tiết thông tin về sản phẩm, mời khách hàng truy cập website: www.pilsa.com.tr hoặc www.ppr-pilsa.com.vn